TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2019/DS-PT
Ngày 19 - 11- 2019
V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng góp vốn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Quốc L; trụ sở: Công viên Văn hóa Trần H, đường Trần H, phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ninh Quốc H, chức vụ: Chủ tịch Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng N, chức vụ: Giám đốc (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Ngô Tấn L, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Ấp Thị Trấn B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Cao Thế L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 48 Lô 10 đường Bế Văn Đ, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ủy ban nhân dân tỉnh B; địa chỉ: Số 05 đường Nguyễn Tất T, khóm 7, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Thành T, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Giang Văn T, chức vụ: Phó Chi cục trưởng chi cục quản lý đ thuộc Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Ngô Tấn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án ông Lê Hoàng N là đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Quốc L (sau đây viết tắt Công ty Quốc L) là nguyên đơn trình bày:

Công ty Quốc L được Ủy ban nhân dân tỉnh B cho thuê đất có diện tích 41.064,5 m^2 theo Hợp đồng thuê đất số 10/HĐTĐ ngày 10/6/2013 và Hợp đồng thuê đất số 06/HĐTD ngày 06/4/2015, thời hạn thuê đất 50 năm tính từ ngày 22/8/2012 đến ngày 22/8/2062.

Ngày 24/8/2015, Công ty Quốc L và ông Ngô Tấn L ký kết hợp đồng góp vốn số 01/HĐGV, hai bên thỏa thuận Công ty Quốc L giao cho ông L quản lý và sử dụng, khai thác lợi nhuận từ hạng mục Khu vui chơi giải trí thanh thiếu niên và thiếu nhi, thuộc dự án Khu vui chơi giải trí Công viên văn hóa Trần H; bên Công ty Quốc L góp vốn đầu tư xây dựng công trình hiện trạng có diện tích ngang 6,3m x dài 27m, ông L góp vốn đầu tư thiết bị gồm các loại máy game xu, xèng, phương thức chia lợi nhuận hàng năm, thời hạn hợp đồng là 10 năm kể từ ngày 24/8/2015 đến ngày 24/8/2025. Quá trình thực hiện hợp đồng hai bên đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Do tình hình phát triển kinh tế địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh B ra Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 thu hồi diện tích đất 41.064,5 m^2 đã cho Công ty Quốc L thuê để giao cho Trung tâm phát triển quỹ nhà và đất tỉnh B. Ngày 31/01/2019 Công ty Quốc L nhận được Quyết định số 116/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản trên phần đất Nhà nước thu hồi. Tại biên bản về việc triển khai Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 đề ngày 01/02/2019 thể hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tạm ứng tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất, Công ty Quốc L có trách nhiệm thu xếp, di dời để bàn giao mặt bằng khu đất cho Trung tâm phát triển quỹ nhà và đất tỉnh B.

Ngày 13/02/2019, ông Lê Hoàng N đại diện Công ty Quốc L làm việc với ông Ngô Tấn L để thống nhất về thời hạn di dời; hỗ trợ di dời và bàn giao mặt bằng nhưng ông L không đồng ý di dời, giao trả mặt bằng.

Do đó, Công ty Quốc L yêu cầu chấm dứt Hợp đồng góp vốn số 01/HĐGV ngày 24/8/2015 được ký kết giữa Công ty Quốc L với ông Ngô Tấn L trước thời hạn và yêu cầu ông L có di dời tất cả các tài sản, đồ vật hiện có tại dự án khu vui chơi giải trí thanh thiếu niên và thiếu nhi, thuộc dự án Khu vui chơi giải trí công viên văn hóa Trần H theo "Bảng kê chi tiết" ngày 23/11/2018, để hoàn trả mặt bằng như hiện trạng ban đầu cho Công ty Quốc L. Công ty Quốc L đồng ý trả cho ông Ngô Tấn L số tiền lợi nhuận 96.997.500 đồng nhưng không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của ông Lộc buộc Công ty Quốc L bồi thường số tiền là 2.521.943.424 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định đối với yêu cầu buộc ông L di dời các tài sản, đồ vật của ông L theo bảng kê chi tiết đề ngày 23/11/2018, nay do có một số tài sản ông L đã tự di dời cụ thể: 01 máy game bắn cá, 04 máy lạnh, 01 bàn làm việc, 60 cái ghế Inox, 12 cái camera, 138m^2 la phong thạch cao; đối với gạch nền, gạch ốp tường, phần sân tráng có diện tích 59,4m^2 do công ty đã đồng ý bồi thường cho ông L chi phí xây dựng nên ông L muốn di dời thì di dời không di dời thì công ty sẽ tự xử lý các tài sản này để trả lại mặt bằng cho Ủy ban nhân dân tỉnh B, do đó, Công ty Quốc L không yêu cầu di dời các tài sản này. Như vậy, Công ty chỉ yêu cầu ông L di dời các tài sản còn lại cụ thể như sau: 11 máy game bắn cá, 05 quạt treo tường, 08 bộ cửa sổ, 01 tolet (bồn cầu) + cửa nhôm kính, 03 cửa nhôm kính (0,8m x 2m). Đồng thời, Công ty Quốc L đồng ý trả cho ông L số tiền chia lợi nhuận là 96.997.500 đồng và số tiền hỗ trợ cho ông L tiền xây dựng và di dời các tài sản nêu trên 45.000.000 đồng. Công ty đồng ý trả số tiền chia lợi nhuận là 96.997.500 đồng.

Tại đơn phản tố và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án ông Ngô Tấn L là bị đơn trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện chấm dứt Hợp đồng góp vốn số 01/HĐGV ngày 24/8/2015 của Công ty Quốc L thì ông L đồng ý chấm dứt; đối với yêu cầu buộc ông di dời tất cả các tài sản, đồ vật hiện có tại dự án khu vui chơi giải trí thanh thiếu niên và thiếu nhi, thuộc dự án Khu vui chơi giải trí công viên văn hóa Trần H để hoàn trả mặt bằng như hiện trạng ban đầu cho Công ty Quốc L thì ông Lộc chỉ đồng ý di dời khi Công ty Quốc L bồi thường thiệt hại cho ông theo đơn yêu cầu phản tố ngày 08/3/2019. Cụ thể, ông L yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty Quốc L phải bồi thường các khoản do vi phạm thời hạn hợp đồng:

Bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, số tiền tạm tính là [(193.995.648 đồng x 02) x 06 năm 06 tháng] = 2.521.943.424 đồng.

Bồi thường chi phí đầu tư xây dựng số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, do giữa ông L và Công ty Quốc L đã thống nhất số tiền này là 45.000.000 đồng nên

ông chỉ yêu cầu Công ty Quốc L trả chi phí đầu tư xây dựng số tiền là 45.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu Công ty Quốc L trả cho ông chi phí đầu tư xây dựng 50.000.000 đồng, hiện nay do giữa ông và Công ty đã thỏa thuận được với nhau về chi phí đầu tư xây dựng là 45.000.000 đồng nên ông xin rút một phần yêu cầu phản tố đối với chi phí đầu tư xây dựng là 5.000.000 đồng;

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do việc tính toán có sự sai sót nên nay ông xin rút lại một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 1.260.971.712 đồng, ông Lộc chỉ yêu cầu Công ty Quốc L bồi thường cho ông số tiền 1.260.971.712 đồng (số tiền này bao gồm số tiền mà ông đã trả tiền chia lợi nhuận cho công ty theo hợp đồng đã ký kết là 96.997.500 đồng).

Ngoài ra, ông L xác định tài sản của ông hiện có tại dự án khu vui chơi giải trí thanh thiếu niên và thiếu nhi, thuộc dự án Khu vui chơi giải trí công viên văn hóa Trần H bao gồm: 11 máy game bắn cá, 05 quạt treo tường, 08 bộ cửa sổ, 01 tolet + cửa nhôm kính, 03 cửa nhôm kính (0,8m x 2m).

Từ những nội dung trên, tại Bản án số 81/2019/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Quốc L đối với ông Ngô Tấn L.

1.1. Tuyên bố chấm dứt hợp đồng góp vốn số 01/HĐGV ngày 24/8/2015 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Quốc L với ông Ngô Tấn L.

1.2. Buộc ông Ngô Tấn L di dời các tài sản: 11 máy game bắn cá, 05 quạt treo tường, 08 bộ cửa sổ, 01 tolet + cửa nhôm kính, 03 cửa nhôm kính (0,8m x 2m) của ông L hiện có tại khu vui chơi giải trí thanh thiếu niên và thiếu nhi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Ngô Tấn L đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Quốc L.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Quốc L trả cho ông Ngô Tấn L số tiền 141.997.500 đồng.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Ngô Tấn đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Quốc L đòi bồi thường thiệt hại số tiền 1.163.974.212 đồng.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông Ngô Tấn Lđối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 1.260.971.712 đồng và chi phí đầu tư xây dựng 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, bị đơn ông Ngô Tấn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn bồi thường cho ông L số tiền 1.163.974.212 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Ngô Tấn , giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] Xét đơn kháng cáo của anh Ngô Tấn L nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện của ông L yêu cầu Tòa án tạm ngừng phiên tòa do đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh B vắng mặt tại phiên tòa và Tòa án chưa thu thập được tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B. Hội đồng xét thấy: Ngày 08/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ. Tòa án đã ban hành Quyết định thu thập chứng cứ số 09/2019/QĐ-CCTLCC ngày 14/10/2019. Ngày 15/10/2019, Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh B đã giao nộp chứng cứ. Ngày 30/9/2019, Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh B đã có nộp đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của bị đơn.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của nguyên đơn cho Hội đồng xét xử xem văn bản số 261 đề ngày 03/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, tuy nhiên văn bản trên là bản photo không có chứng thực và ông N cũng không đồng ý nộp nên đây không phải là tài liệu, chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận văn bản trên cũng như yêu cầu công bố văn bản này của người đại diện của bị đơn.

[5] Xét kháng cáo của ông Ngô Tấn L về việc yêu cầu công ty Quốc L bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với tổng số tiền 1.163.974.212 đồng. Hội đồng xét thấy: Giữa Công ty Quốc L và ông Ngô Tấn L có ký kết Hợp đồng góp vốn số 01/HĐGV ngày 24/8/2015, nội dung hai bên thỏa thuận Công ty Quốc L giao cho ông L quản lý và sử dụng, khai thác lợi nhuận từ

hạng mục Khu vui chơi giải trí thanh thiếu niên và thiếu nhi, thuộc dự án Khu vui chơi giải trí Công viên văn hóa Trần H; bên Công ty Quốc L góp vốn đầu tư xây dựng công trình hiện trạng có diện tích ngang 6,3m x dài 27m, ông L góp vốn đầu tư thiết bị gồm các loại máy game xu, xèng, phương thức chia lợi nhuận hàng năm, thời hạn hợp đồng là 10 năm kể từ ngày 24/8/2015 đến ngày 24/8/2025.

[6] Công ty Quốc L xác định phần đất kinh doanh là tài sản góp vốn bị Nhà nước thu hồi để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B nên công ty không còn điều kiện tiếp tục thực hiện hợp đồng, do đó yêu cầu chấm dứt hợp đồng góp vốn. Ông L cho rằng việc công ty bị thu hồi đất do quá trình hoạt động kinh doanh Công ty Quốc L có sai phạm nên mới bị Nhà nước thu hồi đất và công ty tự nguyện giao trả đất đã gây thiệt hại cho ông L.

[7] Tuy nhiên, Công văn số 962/STNMT-CCQLĐĐ ngày 03/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B có nội dung Công ty Quốc L đồng ý giao đất cho thuê trước thời hạn cho Nhà nước, không có nội dung nào thể hiện việc Công ty Quốc L tự nguyện giao đất.

[8] Mặt khác tại điểm a khoản 4 Điều II của Hợp đồng góp vốn số 01/HĐGV ngày 24/8/2015 giữa công ty Quốc L và ông L, có nội dung bên A không phải bồi thường cho bên B: "*sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra ngoài sự kiểm soát hợp lý của các bên sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết mà một bên hoặc các bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này. Các sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thay đổi về mặt chủ trương, chính sách của Nhà nước, chiến tranh, bạo loạn, tình trạng khẩn cấp, đình công, hỏa hoạn, động đất, lụt bão, sét đánh, sóng thần và các thiên tai khác*". Đồng thời, tại khoản 4 Điều 5 Hợp đồng thuê đất ngày 06/4/2015 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh B với công ty Quốc L, quy định hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau: " *Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai*". Tại khoản 3 Điều 80 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định về hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất chấm dứt trong trường hợp " *Bị thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai*". Ngày 15/10/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 216/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 41.064,5m^2 đã cho Công ty Quốc L thuê và không nêu rõ lý do thu hồi đất. Ông L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh công ty Quốc L có lỗi dẫn đến việc bị thu hồi đất trước thời hạn. Do nguyên đơn không có lỗi khi chấm dứt hợp đồng góp vốn nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo này của ông L.

[9] Từ các phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Tấn L, có căn cứ chấp nhận phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[10] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm ông Ngô Tấn L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 422; Điều 500, 501 của Bộ luật Dân sự; khoản 2, 4, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Quốc L đối với ông Ngô Tấn L.

1.1. Tuyên bố chấm dứt hợp đồng góp vốn số 01/HĐGV ngày 24/8/2015 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Quốc L với ông Ngô Tấn L.

1.2. Buộc ông Ngô Tấn L di dời các tài sản: 11 máy game bắn cá, 05 quạt treo tường, 08 bộ cửa sổ, 01 tolet + cửa nhôm kính, 03 cửa nhôm kính (0,8m x 2m) của ông Lộc hiện có tại khu vui chơi giải trí thanh thiếu niên và thiếu nhi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Ngô Tấn L đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Quốc L.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Quốc L trả cho ông Ngô Tấn L số tiền 141.997.500 đồng (*Một trăm bốn mươi mốt triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Ngô Tấn L đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Quốc L đòi bồi thường thiệt hại số tiền 1.163.974.212 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm mười hai đồng*).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông Ngô Tấn L đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 1.260.971.712 đồng và chi phí đầu tư xây dựng 5.000.000 đồng.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc ông Ngô Tấn L phải hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại

– Dịch vụ Quốc L số tiền 400.000 đồng.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Quốc L phải nộp án phí đối với số tiền phải trả cho ông Ngô Tấn Lộc là 7.099.875 đồng. Công ty Quốc L đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000323 ngày 21/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Công ty Quốc L còn phải nộp tiếp 6.799.875 đồng.

Buộc ông Ngô Tấn L phải nộp án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng do chấp nhận yêu cầu chấm dứt Hợp đồng góp vốn số 01/HĐGV ngày 24/8/2015 của nguyên đơn.

Buộc ông Ngô Tấn L phải nộp án phí đối với số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận là 46.919.226 đồng. Ông L đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 41.720.000 đồng theo biên lai thu số 0000387 ngày 12/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, ông L còn phải nộp tiếp 5.499.226 đồng.

6.2 Án phí dân sự phúc thẩm ông Ngô Tấn L phải chịu 300.000 đồng. Ông Ngô Tấn L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000836 ngày 29/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND TP B;
- CCTHADS TP B;
- Đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Thị Túy Giang